

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/DS-PT

Ngày 23-4-2020

“V/v tranh chấp ranh đất,
đòi quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quán

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thu

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tấn Phong - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp ranh đất và đòi quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 111/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Toà án nhân dân huyện TT bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Đặng Phú Đ1, sinh năm 1959;

Địa chỉ cư trú: Số E tổ X, ấp Y, xã NT, huyện TT, tỉnh Long An.

1.2. Ông Võ Văn T1, sinh năm 1937;

Địa chỉ cư trú: Số A đường PVT, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn O1, sinh năm 1964;

Địa chỉ cư trú: Số B ấp 11, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An.

3.2. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm: 1965;

Địa chỉ cư trú: Số C ấp 11, thị trấn TT, huyện TT, Long An.

3.3. Bà Đặng Thị Kim Đ2, sinh năm 1944;

Địa chỉ: Khu phố 1, phường XB, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai.

3.4. Bà Đặng Thị Kim O2, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số D ấp BC 2, xã BT, huyện TT, Long An.

Người đại diện hợp pháp của bà Đ2, bà O2: Ông Đặng Phú Đ1, sinh năm 1959; Địa chỉ cư trú: Số E tổ X, ấp Y, xã NT, huyện TT, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đặng Phú Đ1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Võ Văn T1 trình bày: Ông T1 là chủ sử dụng đất đối với thửa đất số 64, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại khu phố 11, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An. Nguồn gốc đất do cha là ông Võ Văn Phương cho ông T1 năm 1976. Phía Tây thửa 64, ông Nguyễn Văn O1 tự ý chiếm đất bên rạch Bà Sáu rồi lấn sang đất ông T1. Năm 2012, ông O1 tự ý đắp mô, trồng cây dừa, xoài, mít, măng cầu lấn sang phần đất của ông T1 khoảng 600m². Ông T1 khởi kiện yêu cầu ông O1 trả lại phần diện tích lấn chiếm là 600m². Sau khi đo đạc, phần đất ông T1 tranh chấp thuộc khu E, diện tích 147,2m² và khu G, diện tích 48m².

Tại phiên hòa giải, ông T1 chỉ yêu cầu ông O1 trả lại phần diện tích đất 147,2m² thuộc khu E theo mảnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú vẽ đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện TT duyệt ngày 28/12/2016. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Nguyên đơn ông Đặng Phú Đ1 trình bày: Trước đây thửa đất số 14, tờ bản đồ số 01, số địa bộ 631, diện tích là 18.450m², tọa lạc tại xã Nhị Bình, tỉnh Long An là của cụ Mai Thị Túc. Cụ Túc chết để lại cho con là Huỳnh Văn Tý. Cụ Huỳnh Văn Tý bán cho cụ Mai Văn Dần. Cụ Mai Văn Dần được đứng tên theo giấy của chế độ cũ. Cụ Dần bán cho cụ Võ Văn Trương. Đến ngày 09 tháng giêng dương lịch năm 1955 cụ Võ Văn Trương bán đứt thửa đất có số địa bộ 631 cho cụ Đặng Văn Túng là cha của ông Đ1. Cụ Túng canh tác ổn định đến năm 1975, thấy cháu ruột của vợ là ông Bùi Ngọc Sang khó khăn nên cho ông Sang mượn làm và trông coi giùm toàn bộ phần diện tích trên. Khi có chủ trương đăng ký quyền sử dụng đất thì ông Bùi Ngọc Sang tự ý đăng ký một phần đất gồm 03 thửa là thửa 971, diện tích 2.854m²; thửa 899, diện tích 2.136m²; thửa 837, diện tích 1.126m²; vợ ông Sang là Nguyễn Thị Kế đăng ký thửa 756, diện tích 5.857m². Riêng phần diện tích đất biên còn sót lại phía sau nhà ông Nguyễn Văn O1, ông O1 tự chiếm lấy sử dụng từ năm 1983. Theo đơn khởi kiện ông Đ1 yêu cầu ông O1 trả phần diện tích 4.500m² nay ông Đ1 thay đổi đơn khởi kiện chỉ yêu cầu ông O1 trả lại diện tích 1.975,8m² thuộc khu H theo mảnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú thực hiện,

được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện TT duyệt ngày 28/12/2016. Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn O1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ông O1 là chủ sử dụng thửa đất số 54, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại Khu phố 11, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An. Nguồn gốc thửa 54 và các khu tranh chấp trước đây là khu chiến lược do cha ông O1 là cụ Nguyễn Văn Sáu khai phá để trồng dừa nước lấy lá lợp nhà. Năm 1982, cha ông chết và để lại đất cho ông O1 tiếp tục sử dụng đến năm 2001, thì ông O1 kê khai được cấp giấy phân thổ là thửa 54; riêng các khu D, H do là biên lá nên ông O1 không đi đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T1, ông O1 không đồng ý vì ông O1 không lấn chiếm đất để trồng dừa, xoài, mít; ông O1 chỉ sử dụng đúng diện tích đất của ông. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đ1, ông O1 cũng không đồng ý vì cha ông O1 đã khai phá sử dụng từ năm 1976 rồi để lại cho ông O1 sử dụng đến nay. Nay Ủy ban nhân dân huyện TT xác định là đất thuộc rạch Bà Sáu, ông cũng không có ý kiến gì. Trường hợp Tòa chấp nhận yêu cầu của ông Đ1, ông O1 tự nguyện di dời cây cối và tháo bắt cá. Trường hợp không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ1, ông không yêu cầu Tòa án xác định ông được quyền sử dụng phần đất ông Đ1 tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P1 thống nhất với lời trình của ông O1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Kim Đ2 và bà Đặng Thị Kim O2 do ông Đ1 là người đại diện hợp pháp trình bày: Ông Đ1, bà Đ2, bà O2 là con ruột của cụ Đặng Văn Túng (đã chết); bà Đ2, bà O2 thống nhất lời trình bày của ông Đ1.

Ủy ban nhân dân thị trấn TT không có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, ông Võ Văn T1 rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn O1; ông Đặng Phú Đ1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông O1 trả lại khu H diện tích 1.975,8m² theo Mảnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện TT duyệt ngày 28/12/2016. Bị đơn ông O1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ1.

Ngày 18/12/2014, ông Đặng Phú Đ1 khởi kiện.

Ngày 07/01/2015, ông Võ Văn T1 khởi kiện.

Ngày 12/01/2015, Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý vụ án.

Tòa án hòa giải và công khai chứng cứ nhưng các bên không thỏa thuận được cũng không cung cấp chứng cứ gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 111/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 Tòa án nhân dân huyện TT đã căn cứ vào Điều 26, các Điều: 35, 39, 147, 227, 266, 271 và Điều

273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 166 Luật đất đai; khoản 2 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T1 đối với ông Nguyễn Văn O1 về tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất). Ông Võ Văn T1 có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại yêu cầu khởi kiện đã rút.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Phú Đ1 đối với ông Nguyễn Văn O1 về tranh chấp đòi quyền sử dụng đất là khu H diện tích 1.975,8m² theo mảnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện TT duyệt ngày 28/12/2016.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Võ Văn T1 phải chịu 5.000.000đ (đã nộp xong). Buộc ông Đặng Phú Đ1 chịu 6.500.000đ (đã nộp xong).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn T1 không phải chịu. Hoàn trả 500.000đ tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp theo biên lai thu số 001596 ngày 23/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh Long An. Ông Đặng Phú Đ1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả 4.500.000đ tiền tạm ứng án phí ông Đ1 đã nộp theo biên lai thu số 01391 ngày 12/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 01/12/2019, ông Đặng Phú Đ1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại Tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn ông Đặng Phú Đ1 trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp của cha ông là ông Túng “mua” lại của ông Trương trước năm 1975. Vào năm 1975, ông Đặng Văn Túng cho ông Bùi Ngọc Sang mượn đất để làm ăn sinh sống. Đến năm 1996, ông Sang và vợ là bà Nguyễn Thị kế đăng ký 12.000m² đất nông nghiệp và một số hộ dân tự chiếm dụng để ở 4.500m² còn lại 1975m² đất biên lá. Phần khu H ông Sang không sử dụng, gia đình ông O1 chiếm dụng khu H để trồng cây lâu năm. Tòa án xét xử nhận định đất do nhà nước quản lý rồi giao cho ông O1 sử dụng là thiệt thòi quyền lợi của ông. Yêu cầu Tòa án buộc ông O1 trả đất lại cho cha ông, ông sẽ là người quản lý.

Bị đơn ông Nguyễn Văn O1 không đồng ý kháng cáo của ông Đ1. Đất tranh chấp trước đây là đất đồn bót khu ấp chiến lược. Sau năm 1975 cha ông khai phá sử

dụng rồi giao lại cho ông sử dụng liên tục đến nay. Trên đất trồng cây lâu năm và cây ăn trái. Quá trình sử dụng không ai ngăn cản hay tranh chấp. Ông có đi kê khai đăng ký nhưng do đất biên trôi chưa xác định được ranh nên địa phương chưa cấp giấy. Theo cơ quan quản lý đất đai đất là đất công ông đồng ý theo phán quyết của Tòa án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về tính có căn cứ, kháng cáo hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các bên đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự vắng mặt có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt, đề nghị giải quyết vụ án theo quy định.

Về nội dung vụ án, ông T1 rút yêu cầu khởi kiện, án sơ thẩm đình chỉ và bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ1. Ông Đ1 kháng cáo tiếp tục yêu cầu ông O1 trả lại diện tích đất tại vị trí H theo mảnh trích đo. Ông Đ1 trình bày quyền sử dụng đất này thuộc quyền sử dụng đất của cha ông cho ông Sang mượn một phần, phần còn lại (vị trí H) ông O1 chiếm dụng. Tuy nhiên, cơ quan quản lý đất đai không xác định được thửa 14 của cha ông trước kia do ông Sang kê khai và một phần ở vị trí H do ông O1 chiếm dụng là một. Ủy ban nhân dân huyện TT có công văn trả lời xác định vị trí H là rạch công cộng. Ông Đ1 cũng thừa nhận gia đình ông chưa từng sử dụng đất này từ sau 1975 đến nay và thực tế ông O1 đang sử dụng đào ao nuôi cá và trồng cây. Ông O1 đồng ý đất thuộc nhà nước quản lý nên ông không đồng ý trả cho ông Đ1, án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ1 là phù hợp. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

[1.1] Nguyên đơn ông Đặng Phú Đ1 kháng cáo hợp lệ, vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo vắng mặt và yêu cầu xét xử vắng mặt đồng thời có ủy quyền từ cấp sơ thẩm căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm.

[1.2] Ông Đ1 và ông T1 khởi kiện cho rằng diện tích đất thuộc quyền sử dụng của các ông bị ông O1 chiếm dụng, ông O1 không đồng ý. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp ranh và đòi quyền sử dụng đất” là không chính xác mà phải là “tranh chấp quyền sử dụng đất”. Tòa án chỉ xác định quan hệ tranh chấp là đòi quyền sử dụng đất khi và chỉ khi ông O1 thừa nhận quyền sử dụng đất của các nguyên đơn nhưng không trả.

Tranh chấp quyền sử dụng đất là tranh chấp dân sự theo quy định của Điều 26 Bộ luật tố tụng dân 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án nhân dân huyện TT thụ lý xét xử là đúng thẩm quyền.

[1.3] Ông Đặng Phú Đ1 kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử phúc thẩm trong phạm vi kháng cáo.

[2] Về nội dung

[2.1] Quá trình tranh tụng tại cấp sơ thẩm, ông Đ1 khởi kiện yêu cầu ông O1 trả lại diện tích đất 1.975,8m² thuộc khu H của mảnh trích đo địa chính được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện TT duyệt ngày 28/12/2016. Chứng cứ ông Đ1 đưa ra để chứng minh là tờ bán mãi đứt; 01 sao lục bộ địa chính do ông Mai Văn Dân đứng tên số địa bộ 631, số bản đồ 14 do chế độ cũ cấp; 01 tờ bán đất bằng tiếng pháp chưa dịch giữa cụ Mai Văn Dân và cụ Võ Văn Trương kèm 01 bản dịch ra bằng tiếng việt; 01 tờ bán đứt ruộng nội dung cụ Võ Văn Trương bán đứt sở ruộng hạng nhất (2^h.00^a.00^c), số địa bộ 631, họa đồ số 98, tọa lạc tại xã Nhị Bình cho cụ Đặng Văn Tùng; 01 Tờ kê khai ruộng đất được giữ lại các số lô 216, 217, 14 có địa bộ 202, 202, 631, tờ số 1, tọa lạc tại xã Nhị Bình; 01 sao lục họa đồ ngày 12/01/1955.

[2.2] Hồ sơ thể hiện nguồn gốc thửa số 14 (thửa cũ), số địa bộ 631, họa đồ 98, tọa lạc tại xã Nhị Bình, tỉnh Long An là của cụ Mai Thị Túc. Cụ Túc chết để lại cho con là Huỳnh Văn Tý. Ông Huỳnh Văn Tý chuyển nhượng cho ông Mai Văn Dân. Ông Mai Văn Dân được đứng tên theo giấy tờ của chế độ cũ. Ông Dân chuyển nhượng lại cho ông Võ Văn Trương có sự xác nhận của chính quyền cũ. Năm 1955, ông Trương làm tờ bán đứt phần đất này cho ông Đặng Văn Tùng là cha ông Đ1. Ông Đ1 cho rằng cha ông được chế độ cũ cấp giấy chứng nhận thửa đất số 14, số địa bộ 631, tờ số 1, tọa lạc tại xã Nhị Bình, tỉnh Long An nhưng giấy tờ ông Đ1 cung cấp về pháp lý chưa đảm bảo. Tờ kê khai mục người kê khai ông Tùng không ký tên cũng không có cơ quan nào ký đóng dấu xác nhận. Mặt khác tại Công văn số 23/CNTT-CC ngày 08/10/2019 Chi cục Công nghệ thông tin và dữ liệu Tài nguyên Môi trường phía Nam có cho biết chi cục không truy nguyên được thửa đất số 14 (thửa cũ) nay là thửa đất nào. Qua đối chiếu khu H và các thửa đất của ông Sang được cấp giấy với họa đồ vị trí thửa đất số 14 (thửa cũ) do Chi cục Công nghệ thông tin và dữ liệu Tài nguyên và Môi trường phía Nam cung cấp cũng không đủ căn cứ để xác định các khu này là một.

[2.3] Ông Đ1 cung cấp được giấy mua bán đất giữa cụ Tùng và cụ Trương thửa số 14(thửa cũ) nhưng không có chứng cứ gì chứng minh thửa đất số 14 được tách ra thành các thửa đất do ông Sang kê khai và khu H còn lại. Ngoài ra, ông Đ1 cho rằng thửa đất số 14 cụ Tùng cho ông Sang mượn vào năm 1975 nhưng trong

khi ông Sang không thừa nhận, ông lại không cung cấp được giấy tờ chứng minh có việc cho mượn. Năm 1996, ông Sang kê khai một phần thửa đất để được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, khi đó ông Đ1 có mặt tại địa phương nhưng không có ý kiến. Đối với khu H, ông Đ1 trình bày khu này nằm cạnh rạch Bà Sáu chứ không phải rạch Bà Sáu nhưng tại công văn số 103/UBND-NC ngày 16/01/2019 Ủy ban nhân dân huyện TT xác định là rạch công cộng (rạch Bà Sáu) do nhà nước quản lý, không cấp giấy chứng nhận QSDĐ (BL 268). Xác nhận của Ủy ban phù hợp Mẫu trích đo khu H theo ranh bản đồ địa chính thuộc rạch công cộng hiện ông O1 sử dụng. Ông Đ1 cho rằng đất của cha ông nhưng ông cũng thừa nhận gia đình ông chưa từng sử dụng từ năm 1975 đến nay và cụ Túng cũng chưa được nhà nước ta công nhận quyền sử dụng trong khi đất đai thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước thống nhất quản lý nhà nước.

[3] Từ đó, án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Phú Đ1 đối với ông Nguyễn Văn O1 về tranh chấp quyền sử dụng đất là có cơ sở. Ông Đ1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, ông Đ1 phải chịu nhưng ông Đ1 thuộc diện được miễn theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm giữ nguyên có hiệu lực.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 293 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Phú Đ1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 111/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 Tòa án nhân dân huyện TT

Căn cứ vào vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 166, Điều 175 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 166, Điều 170 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của ông Võ Văn T1.

Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn T1 đối với ông Nguyễn Văn O1 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)”.

Ông Võ Văn T1 có quyền khởi kiện lại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Phú Đ1 đối với ông Nguyễn Văn O1 về “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Bác yêu cầu của ông Đặng Phú Đ1 buộc ông Nguyễn Văn O1 giao trả khu H diện tích 1.975,8m² theo mảnh trích đo do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Hưng Phú lập và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện TT duyệt ngày 28/12/2016.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Võ Văn T1 phải chịu 5.000.000đ (đã nộp xong). Buộc ông Đặng Phú Đ1 chịu 6.500.000đ (đã nộp xong).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Võ Văn T1 không phải chịu. Hoàn trả 500.000đ tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp theo biên lai thu số 001596 ngày 23/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh Long An.

Ông Đặng Phú Đ1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm. Hoàn trả 4.500.000đ tiền tạm ứng án phí ông Đặng Phú Đ1 đã nộp theo biên lai thu số 01391 ngày 12/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh Long An. Án phí dân sự phúc thẩm không tạm ứng không phải hoàn trả.

5. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quán

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Hồng Vân - Nguyễn Văn Thu

Trần Văn Quán

